

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 81/QĐ-ĐHTNH-QLKH ngày 31 tháng 03 năm 2016 của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

Tên chương trình:	KIỂM TOÁN
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kiểm toán
Mã số:	D340302
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo Cử nhân ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt; có đạo đức và trình độ chuyên môn đáp ứng các yêu cầu sau:

1.1 Về kiến thức:

Có kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên làm cơ sở; kiến thức kinh tế - tài chính, quản trị làm nền tảng; kiến thức cần thiết về ngoại ngữ, tin học, kiến thức chuyên sâu về kế toán; kiểm toán như: chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam và quốc tế, các loại hình kiểm toán, nội dung, quy trình và hệ thống các phương pháp kiểm toán ... để có thể thực hiện tốt các công việc của một trợ lý kiểm toán và kiểm toán viên.

1.2 Về kỹ năng:

Có kỹ năng phát hiện, phân tích và thực hiện tốt các nghiệp vụ kiểm toán, tổ chức các cuộc kiểm toán, tư vấn về kế toán, kiểm toán, có khả năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán, có kỹ năng làm việc tập thể trong công việc chuyên môn kiểm toán.

1.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực tổ chức và thực hiện công việc chuyên môn về các lĩnh vực hoạt động kiểm toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được các kết luận về vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

1.4 Về phẩm chất, đạo đức:

Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định của nơi làm việc; có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong công việc; hiểu biết và bước đầu xây dựng, rèn luyện theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; có nếp sống lành mạnh

và cầu tiến, tinh thần phục vụ cộng đồng.

1.5 Vị trí công việc có thể đảm nhiệm:

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kiểm toán có thể đảm nhận vị trí trợ lý kiểm toán, và sau một thời gian phát triển là kiểm toán viên, làm việc tại các công ty kiểm toán độc lập hoặc các cơ quan kiểm toán Nhà nước, các doanh nghiệp có bộ phận kiểm toán, các cơ quan quản lý Nhà nước về kế toán, kiểm toán; làm công tác nghiên cứu ở các viện nghiên cứu hoặc giảng dạy ở các cơ sở đào tạo có đào tạo kế toán, kiểm toán.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm, học theo tiến độ phù hợp với Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ

3.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 137 tín chỉ

3.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

STT	Khôikiếnthức	Số tín chỉ
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	44
1.1	Lý luận chính trị	10
1.2	Khoa học tự nhiên	9
1.3	Khoa học xã hội	6
1.4	Ngoại ngữ	8
1.5	Giáo dục Thể chất & Giáo dục Quốc phòng - An ninh	11
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	93
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	8
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	34
2.3	Kiến thức chuyên ngành	33
2.5	Kiến thức bổ trợ	8
2.6	Thực tập cuối khóa và Luận văn tốt nghiệp	10
	TỔNG CỘNG (1+2)	137

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có đủ điều kiện, có nguyện vọng được tuyển vào Trường theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định tuyển sinh của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học phần theo hệ thống tín chỉ và Quy định chuẩn đầu ra của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A,B,C,D,F.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
7.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (General Knowledge)	44	
		<i>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	40	
1	DCB.04.01	Tiếng Anh 1 (English 1)	4	
2	CDB.04.02	Tiếng Anh 2 (English 2)	4	
3	DCB.05.03	Tin học (Information Technology)	4	
4	DCB.03.03	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1 (Theories of Marxism - Leninism 1)	2	
5	DCB.03.04	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2 (Theories of Marxism - Leninism 2)	3	
6	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	
7	DCB.03.01	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Revolutionary platform of Vietnam Communist party)	3	
8	DCB.05.05	Toán cao cấp (Advanced mathematics)	3	

9	DCB.05.02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and mathematical statistics)	2	
10	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2	
11	DCB.01...	Giáo dục Thể chất (Physical education)	3	
12	DCB.01...	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (National defense and security education)	8	
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	4	
13	DCB.03.08	Xã hội học (Sociology)	2	Chọn 2 trong 3 học phần
14	DCB.02.05	Kỹ năng thuyết trình (Presentation skills)	2	
15	DCB.03.09	Kỹ năng soạn thảo văn bản (Writing skills)	2	
7.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	93	
7.2.1		Kiến thức cơ sở khối ngành	8	
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	6	
16	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	
17	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	2	
18	DCB.02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
19	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2	
7.2.2		Kiến thức cơ sở ngành	34	
20	DTN.02.07	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ (Theory of finance and money)	3	
21	DKT.01.20	Nguyên lý kế toán (Theory of Accounting)	3	
22	DCB.02.06	Nguyên lý thống kê (Theory of statistics)	3	
23	DQK.02.01	Quản trị học (Management studies)	3	
24	DQK.02.05	Marketing căn bản (Essentials of marketing)	2	
25	DTN.02.19	Thuế (Taxation)	2	
26	DTN.02.13	Tài chính doanh nghiệp (Corporate finance)	3	
27	CDB.04.03	Tiếng Anh 3 (English 3)	4	
28	DCB.04.04	Tiếng Anh 4 (English 4)	4	
29	DCB.04.05	Tiếng Anh 5 (English 5)	4	
30	DCB.03.07	Pháp luật kinh tế (Economic law)	3	
7.2.3		Kiến thức chuyên ngành	33	
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	29	
31	DKT.01.18	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	

32	DKT.01.19	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2)	3	
33	DKT.01.15	Kế toán quản trị (Management Accounting)	2	
34	DKT.01.12	Kế toán máy và thực hành kế toán (Computerized accounting)	2	
35	DKT.02.01	Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán (Auditing standards System)	2	
36	DKT.02.03	Kiểm toán căn bản (Auditing fundamentals)	3	
37	DKT.02.06	Kiểm toán báo cáo tài chính 1 (Financial statement audits 1)	3	
38	DKT.02.10	Kiểm toán báo cáo tài chính 2 (Financial statement audits 2)	3	
39	DKT.02.09	Kiểm toán báo cáo xây dựng cơ bản (Audit reports for basic construction)	3	
40	DKT.02.07	Kiểm toán tuân thủ (Compliance audit)	2	
41	DKT.02.08	Kiểm toán hoạt động (Operations audits)	3	
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	4	
42	DKT.01.11	Kế toán hành chính, sự nghiệp (Accounting for public administrative entities)	2	Chọn 2 trong 3 học phần
43	DKT.01.13	Kế toán ngân hàng thương mại (Accounting for commercial banks)	2	
44	DKT.01.03	Kế toán đơn vị chủ đầu tư (Accounting for project investor)	2	
7.2.4		Kiến thức bổ trợ	8	
		* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)	6	
45	DTN.02.09	Phân tích Tài chính doanh nghiệp (Corporate finance analysis)	2	
46	DTN.01.02	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial bank)	2	
47	DKT.02.05	Kiểm toán nội bộ Ngân hàng thương mại (Internal audit in commercial banks)	2	*
		* Các học phần tự chọn (Optional courses)	2	
48	DTN.02.04	Định giá tài sản (Asset pricing studies)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
49	DTN.02.10	Quản trị Dự án đầu tư	2	
7.2.5		Thực tập cuối khóa và Luận văn tốt nghiệp	10	

50	DQK.01.18	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	
51	DQK.01.19	Luận văn tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	
		Tổng cộng	137	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (được chi tiết theo học kỳ)

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình tuân thủ chặt chẽ chương trình khung trình độ giáo dục đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chương trình áp dụng theo Quy chế 43/QĐ-BGDĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hàng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.